

Bản án số: 25/2025/DS-ST
Ngày: 18 - 8 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố,
hợp đồng vay tài sản và hợp đồng
thuê tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - AN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Quang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lương Thảo Vy.

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Huỳnh Thanh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – An Giang tham gia phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Bích Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng cầm cố, hợp đồng vay tài sản và hợp đồng thuê tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 173/2025/QĐST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty; trụ sở chính: Số 128 Nguyễn Du, phường TV, tỉnh Nghệ An; địa chỉ liên hệ: Số 489 đường Tôn Đức Thắng, phường CĐ, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: ông KANOKWATPAISAL NAPAT – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1994; cư trú tại: Số 242, Quốc lộ 91, ấp VL, xã CP, tỉnh An Giang (theo giấy ủy quyền ngày 05/3/2025). Có mặt

- Bị đơn: Ông Nguyễn Anh C, sinh năm 1978 (căn cước công dân 089078012311); cư trú tại: Tổ 15, ấp Vĩnh Phúc, xã Châu Phú, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/01/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Ngọc T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 12/7/2024, ông C và Công ty – chi nhánh An Giang – thành phố Châu Đốc (gọi tắt Công ty) ký hợp đồng cầm cố số CDM240701011NA24X (viết tắt Hợp đồng cầm cố) và kèm theo phụ lục hợp đồng số CDM240701011NA24X (viết tắt Phụ lục hợp đồng). Theo đó, ông C cầm cố cho Công ty xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave 125I, biển kiểm soát: 67AC-182.93, số khung: MLHJC9325R5331800, số máy: JC93E2331800, giấy chứng nhận đăng ký số 022815 do Công an huyện Châu Phú cấp ngày 06/7/2024. Số tiền cầm cố là 62.925.531,91đ, thời hạn cầm cố 18 tháng, mục đích cầm cố phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh, ngày giải ngân 12/7/2024, ngày thanh toán định kỳ ngày 12 hàng tháng, lãi suất trong hạn là 1.1%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, phí quản lý hồ sơ là 0.5%/tháng, phí phạt vi phạm không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng. Tại phụ lục hợp đồng có thỏa thuận Công ty được quyền cho thuê lại và hưởng hoa lợi từ tài sản ông C đã cầm cố. Sau khi ký hợp đồng cầm cố cùng ngày 12/7/2024 ông C ký thỏa thuận thuê lại tài sản đã cầm cố là xe mô tô nêu trên với Công ty, thời hạn thuê từ ngày 12/7/2024 đến ngày 12/01/2026, phí bảo dưỡng và hao mòn tự nhiên là 3.397.978,72đ/tháng, khách hàng thanh toán đúng hạn theo hợp đồng là 1.573.138,3đ. Tài sản cầm cố được đăng ký giao dịch bảo đảm tại trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hà Nội, số đăng ký 1551797958 ngày 29/8/2024.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận theo cam kết tại hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe nên làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty. Nay Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Tòa án buộc ông C phải thanh toán cho Công ty tổng số tiền tạm tính đến ngày 24/12/2024 là 68.636.023,93đ, trong đó: Nợ gốc 62.925.531,91đ, tiền lãi trong hạn 3.806.994,68đ, tiền lãi quá hạn 1.903.497,34đ. Đồng thời, tiếp tục yêu cầu chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng cầm cố kể từ ngày 25/12/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp ông C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị Tòa án tuyên Công ty được yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Công ty rút lại yêu cầu tính phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe 18.688.882,98đ, phí quản lý hồ sơ 1.730.452,13đ, phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán 8% trên dư nợ thực tế là 5.034.042,55đ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác nhưng bị đơn ông Nguyễn Anh C vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về vụ án.

Tại phiên tòa,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Công ty tự nguyện rút lại yêu cầu tính lãi trong hạn 3.806.994,68đ, phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe 18.688.882,98đ, phí quản lý hồ sơ 1.730.452,13đ, phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán 8% trên dư nợ thực tế là 5.034.042,55đ, tổng cộng là 29.260.372,34đ làm tròn số là 29.260.400đ.

Công ty yêu cầu Tòa án buộc ông C có trách nhiệm trả số tiền gốc còn nợ làm tròn số là 62.925.500đ, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 12/7/2024 đến ngày 18/8/2025 làm tròn số là 13.912.800đ. Đồng thời, tiếp tục tính lãi quá hạn phát sinh theo lãi suất đã thỏa thuận kể từ ngày 19/8/2025 đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về việc giải quyết vụ án:

Công ty rút lại yêu cầu khởi kiện về tiền lãi trong hạn, phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe, phí quản lý hồ sơ cố định, phí mượn xe, phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này.

Công ty yêu cầu ông C trả nợ gốc, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 18/8/2025 và lãi quá hạn phát sinh theo lãi suất đã thỏa thuận kể từ ngày 19/8/2025 đến khi thanh toán xong nợ gốc và yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án khi ông C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Công ty khởi kiện yêu cầu ông C trả tiền cầm cố còn nợ, tiền thuê tài sản và tiền lãi, căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự, hợp đồng cầm cố tài sản, hợp đồng vay tài sản và hợp đồng thuê tài sản. Ông C có nơi cư trú tại xã Châu Phú, tỉnh An Giang (trước đây là thị trấn Cái Dầu, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang), căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân khu vực 13 – An Giang (trước đây là Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang) thụ lý giải quyết là đúng với quy định pháp luật.

[1.2] Xét văn bản ủy quyền của Công ty là phù hợp với quy định pháp luật và không có căn cứ thể hiện người được ủy quyền thuộc trường hợp không được tham gia ủy quyền. Vì vậy, việc ủy quyền của Công ty được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.3] Ông Nguyễn Anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.4] Công ty cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là Hợp đồng cầm cố, Phụ lục hợp đồng cầm cố, thỏa thuận thuê tài sản, phiếu chi cùng đề ngày 12/7/2024, văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, thông báo xử lý tài sản bảo đảm số công chứng số đăng ký 1551797958 ngày 29/8/2024. Quá trình giải quyết vụ án ông C nhận được tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do Công ty cung cấp, không tham các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 92 và Điều 93 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định các tài liệu, chứng cứ do Công ty cung cấp là cơ sở để giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Công ty và ông C xác lập hợp đồng cầm cố, hợp đồng vay tài sản và hợp đồng thuê tài sản trên cơ sở tự nguyện, hình thức giao dịch bằng văn bản. Khi xác lập giao dịch các bên đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi, nội dung và mục đích của giao dịch không trái quy định pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 309, Điều 310, Điều 463 và Điều 472 của Bộ luật Dân sự năm 2015, do đó hợp đồng đã ký giữa Công ty với ông C là phù hợp với quy định nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao dịch.

[2.2] Tại phiên tòa Công ty rút lại yêu cầu tính lãi trong hạn, phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe, phí quản lý hồ sơ, phí mượn xe, phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Xét việc rút lại yêu cầu của Công ty là hoàn toàn tự

nguyên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ đối với yêu cầu này.

[2.3] Về nợ gốc: Xét thấy, thời gian theo Hợp đồng cầm cố là 18 tháng, mục đích cầm cố tài sản để đảm bảo cho khoản vay 62.925.531,91đ làm tròn số là 62.925.500đ. Quá trình thực hiện hợp đồng ông C không trả nợ gốc và lãi hàng tháng là vi phạm nghĩa vụ nên Công ty được quyền thu hồi nợ trước hạn theo thỏa thuận tại khoản 3.1 Điều 3 của Phụ lục hợp đồng cầm cố. Do đó, Công ty khởi kiện yêu cầu ông C trả nợ gốc 62.925.500đ là đúng với quy định đã thỏa thuận tại Phụ lục hợp đồng cầm cố và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về nợ lãi quá hạn: Quá trình thực hiện hợp đồng ông C vi phạm nghĩa vụ trả gốc và lãi nên đã chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 12/7/2024 theo thỏa thuận tại Điều 6 của Hợp đồng cầm cố. Vì vậy, Công ty yêu cầu tính lãi quá hạn từ ngày 12/7/2024 đến ngày 18/8/2025, lãi suất 1,65% (bằng 150% của lãi suất trong hạn 1,1%/tháng) là 13.912.800đ và tiếp tục tính lãi quá hạn phát sinh 1,65%/tháng trên nợ gốc đến khi thanh toán xong là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 5 Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vậy, tổng số tiền ông C phải trả cho Công ty là 76.838.300đ, trong đó: Nợ gốc 62.925.500đ, lãi quá hạn 13.912.800đ.

[2.5] Xét thấy, tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định pháp luật. Do đó, Công ty yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án khi ông C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với quy định tại Điều 295, Điều 298 và Điều 299 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của Công ty được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, Công ty được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp. Ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 93, Điều 147, Điều 244, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 295, Điều 298, Điều 299, Điều 309, Điều 310, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 472 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty về việc yêu cầu ông Nguyễn Anh C trả lãi trong hạn, phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe, phí quản lý hồ sơ, phí mượn xe và phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 29.260.400đ (hai mươi chín triệu hai trăm sáu mươi nghìn bốn trăm đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty về việc yêu cầu ông Nguyễn Anh C trả nợ gốc và nợ lãi quá hạn.

Buộc ông Nguyễn Anh C có trách nhiệm trả cho Công ty tổng số tiền 76.838.300đ (bảy mươi sáu triệu tám trăm ba mươi tám nghìn ba trăm đồng), trong đó: Nợ gốc 62.925.500đ (sáu mươi hai triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm đồng), lãi quá hạn 13.912.800đ (mười ba triệu chín trăm mười hai nghìn tám trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền 62.925.500đ (sáu mươi hai triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm đồng) theo mức lãi suất 1,65%/tháng.

3. Trường hợp ông Nguyễn Anh C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Công ty được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hà Nội theo số công chứng 1551797958 ngày 29/8/2024 để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

4. Về án phí dân sự:

Ông Nguyễn Anh C phải chịu 3.842.000đ (ba triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty được nhận lại 2.352.000đ (hai triệu ba trăm năm mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009756 ngày 19/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 – An Giang).

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thảo Vy

Nguyễn Thị Kim Thanh

Trần Văn Quang

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND KV13 – An Giang;
- PTHADS KV13 – An Giang;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Quang